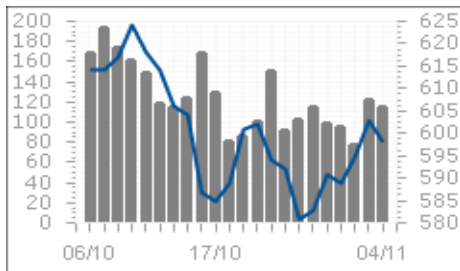


HOSE 04/11/2014

VNINDEX	598.39	-4.76	-0.79%
KLGD	116,124,729	CP	
GTGD	2,219.65	Tỷ	
GTR NDTNN	-	26.28	Tỷ
CP Tăng giá	78	CP	
CP Giảm giá	123	CP	
CP Đứng giá	103	CP	

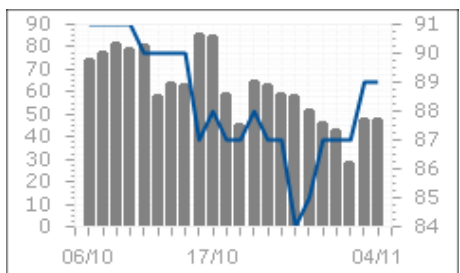


Tâm điểm

- ▶ **Áp lực chốt lời khiến chỉ số 2 sàn điều chỉnh**
- ▶ **NĐT đang tỏ ra thận trọng với diễn biến thị trường**
NĐT Nước ngoài quay trở lại bán ròng trên cả 2 sàn
- ▶ **VN xuất siêu khoảng 1,9 tỷ USD nhờ xuất khẩu của Doanh nghiệp FDI**
Ngày 3-11, Bộ Công thương công bố số liệu xuất nhập khẩu trong 10 tháng Tuổi trẻ Online
- ▶ **Chính phủ yêu cầu quản chặt các khoản vay mới**
Để nợ công không vượt quá giới hạn an toàn VnExpress
- ▶ **Lĩnh vực sản xuất Nhật Bản tăng trưởng nhanh nhất 7 tháng**
Chỉ số PMI sản xuất tháng 10 của Nhật Bản tăng lên 52,4 điểm DVO
- ▶ **VNE quý III lãi hợp nhất hơn 106 tỷ đồng**
Lợi nhuận sau thuế thuộc cổ đông công ty mẹ đạt 58 tỷ đồng, gấp 6,5 lần cùng kỳ Gafin
- ▶ **PVcomBank quý III thu 700 tỷ đồng từ góp vốn, mua cổ phần**
Tổng tài sản của PVcomBank tới hết tháng 9 là 97.542,2 tỷ đồng, giảm 3,09% so với DVO/PVcomBank

HNX 04/11/2014

HNXINDEX	88.71	-0.16	-0.18%
KLGD	49,788,555	CP	
GTGD	768.18	Tỷ	
GTR NDTNN	-	41.76	Tỷ
CP Tăng giá	83	CP	
CP Giảm giá	120	CP	
CP Đứng giá	176	CP	



Thị trường / Ngành

	Vốn hóa (tỷ)	P/E	P/B	ROE	ROA
Theo thị trường					
HOSE	1,083,859	14.8	2.9	19.5%	10.5%
HNX	145,868	14.6	1.9	9.0%	4.3%
Toàn bộ thị trường	1,229,727	15.5	3.3	20.3%	10.2%

	Vốn hóa (tỷ)	P/E	P/B	ROE	ROA
Theo ngành					
Nhựa, cao su & sợi	7,316	6.8	0.9	13.3%	8.8%
Sản phẩm hóa dầu, Nông dược &	20,324	9.3	1.5	16.2%	10.9%
Thép và sản phẩm thép	38,970	16.4	2.2	20.7%	9.4%
Khai khoáng	12,299	91.4	6.3	-4.2%	-3.5%
Vật liệu xây dựng & Nội thất	25,548	14.6	1.5	13.4%	7.5%
Xây dựng	32,640	63.7	1.3	-2.2%	1.9%
Máy công nghiệp	8,794	9.0	1.3	15.2%	10.4%
Kho bãi, hậu cần và bảo dưỡng	11,198	8.9	1.5	18.4%	13.4%
Lốp xe	9,056	11.6	3.1	25.5%	11.0%
Nuôi trồng nông & hải sản	21,486	11.1	1.9	18.7%	6.5%
Thực phẩm	196,177	23.9	4.2	20.4%	16.0%
Dược phẩm	15,610	11.2	2.9	22.6%	14.9%
Phần mềm	18,000	10.8	2.3	21.7%	9.0%
Sản xuất & phân phối điện	28,281	9.5	1.4	15.8%	7.6%
Phân phối xăng dầu & khí đốt	205,759	16.8	5.5	33.0%	22.6%
Bảo hiểm nhân thọ	26,470	21.7	2.3	10.2%	2.1%
Môi giới chứng khoán	29,138	13.3	1.8	10.7%	7.7%
Ngân hàng	242,309	11.4	1.2	10.6%	0.9%
Bất động sản	197,525	18.0	4.6	24.2%	5.8%
Thiết bị và Dịch vụ Dầu khí	50,538	11.4	2.3	22.5%	9.4%

VN30 & HNX30 INDEX

VN30	639.91	-4.73	-0.73%
HNX30	176.98	-0.46	-0.26%

Thông kê thị trường

- ▶ HOSE: Thống kê và nhận định thị trường
- ▶ HNX: Thống kê và nhận định thị trường
- ▶ Tổng hợp chỉ số ngành toàn thị trường

Trịnh Thị Thu Phương

thuphuong@vietinbanksc.com.vn

VN xuất siêu khoảng 1,9 tỷ USD nhờ xuất khẩu của Doanh nghiệp FDI

Chính phủ yêu cầu quản chặt các khoản vay mới

Lĩnh vực sản xuất Nhật Bản tăng trưởng nhanh nhất 7 tháng

Trịnh Thị Thu Phương

thuphuong@vietinbanksc.com.vn

VNE quý III lãi hợp nhất hơn 106 tỷ đồng

PVcomBank quý III thu 700 tỷ đồng từ góp vốn, mua cổ phần

PGC lãi hợp nhất 9 tháng gần 64 tỷ đồng

► Tin kinh tế

Ngày 3-11, Bộ Công thương công bố số liệu cho thấy trong 10 tháng qua, VN xuất siêu khoảng 1,9 tỷ USD, trong đó, khối doanh nghiệp trong nước vẫn nhập siêu tới gần 12 tỷ USD. Theo Thứ trưởng Bộ Công Thương, xuất siêu nhờ xuất khẩu của Doanh nghiệp FDI, tuy nhiên tốc độ xuất khẩu của khối Doanh nghiệp FDI đang giảm dần. Mặt hàng xuất khẩu VN tăng chủ yếu nhờ điện thoại di động, nhưng nếu 2012 tốc độ tăng xuất khẩu mặt hàng này trên 120%, thì năm 2013 chỉ còn tăng 45%. 10 tháng đầu năm 2014 giảm tiếp, chỉ tăng 6% cùng kỳ.

Để nợ công không vượt giới hạn an toàn, Chính phủ tiếp tục chỉ đạo các Bộ ngành, địa phương tập trung quản lý chặt chẽ, nhất là các khoản vay mới (gồm vay của Chính phủ, vay được Chính phủ bảo lãnh và vay của chính quyền địa phương), bảo đảm sử dụng để đầu tư các công trình hạ tầng kinh tế xã hội thiết yếu theo quy hoạch. Thủ tướng cũng yêu cầu khẩn trương cơ cấu lại nợ công theo hướng tăng nhanh tỷ trọng vay dài hạn với lãi suất thấp, bảo đảm trả nợ đối với các khoản vay được Chính phủ bảo lãnh và thu đủ nợ đối với các khoản vay về cho vay lại. Ngoài ra, cần bố trí nguồn từ ngân sách trong giới hạn theo quy định và sử dụng Quỹ tích lũy để trả nợ đúng hạn.

Theo số liệu chính thức của Markit/JMMA, chỉ số PMI sản xuất tháng 10 của Nhật Bản tăng lên 52,4 điểm từ 51,7 điểm của tháng 9, chủ yếu nhờ tăng trưởng đơn hàng mới lên cao nhất 7 tháng trong khi sản lượng sản xuất cũng tăng liên tiếp trong 3 tháng qua. Trước đó, lĩnh vực sản xuất của Nhật Bản đã suy yếu trong 5 tháng liên tiếp. PMI sản xuất tháng 10 lên cao nhất 7 tháng chứng tỏ, kinh tế Nhật Bản đang dần khắc phục được hậu quả của đợt tăng thuế hồi tháng 4, đồng thời là bằng chứng cho thấy tính hiệu quả của các gói kích thích từ chính phủ. Tuần trước, BOJ vừa quyết định tăng cung tiền lên 80 nghìn tỷ yên/năm nhằm đẩy nhanh quá trình phục hồi của nền kinh tế lớn thứ 3 thế giới.

► Tin doanh nghiệp

Tổng Công ty cổ phần Xây dựng Điện Việt Nam (HOSE: mã VNE) công bố báo cáo tài chính hợp nhất quý III/2014 với doanh thu thuần 301 tỷ đồng, gấp 2,8 lần cùng kỳ. Doanh thu tăng do trong quý III/2014, VNE tập trung nghiệm thu thanh quyết toán các công trình hoàn thành, đẩy mạnh thi công các công trình chuyển tiếp, các công trình mới trúng thầu và được chủ đầu tư chấp nhận nghiệm thu thanh toán. Lũy kế 9 tháng, VNECO đạt 611 tỷ đồng doanh thu thuần, tăng 43%. Lợi nhuận sau thuế thuộc cổ đông công ty mẹ đạt 58 tỷ đồng, gấp 6,5 lần cùng kỳ, EPS đạt 937 đồng.

Ngân hàng TMCP Đại chúng Việt Nam (PVcomBank) công bố báo cáo tài chính ngân hàng quý III/2014. Theo đó, tổng tài sản của PVcomBank tới hết tháng 9 là 97.542,2 tỷ đồng, giảm 3,09% so với đầu năm. Cho vay khách hàng cũng giảm tới 6,84% xuống còn 38.304,8 tỷ đồng. Tăng trưởng huy động trong khi đó tăng xấp xỉ 24%, đạt mức tiền gửi khách hàng là 60.968,2 tỷ đồng. Lợi nhuận trước thuế quý III của ngân hàng mẹ PVcomBank đạt 43,86 tỷ đồng, lợi nhuận sau thuế là hơn 51 tỷ đồng. Lũy kế 9 tháng đầu năm, lợi nhuận trước thuế của PVcomBank là 104,14 tỷ đồng, lợi nhuận sau thuế là 116,23 tỷ đồng. EPS của PVcomBank tới hết quý III là 129 đồng/cổ phiếu. Thu nhập từ góp vốn của PVcomBank trong quý III là gần 700 tỷ đồng, góp phần lớn vào tổng thu nhập từ góp vốn của PVcomBank từ đầu năm tới nay là 710,8 tỷ đồng.

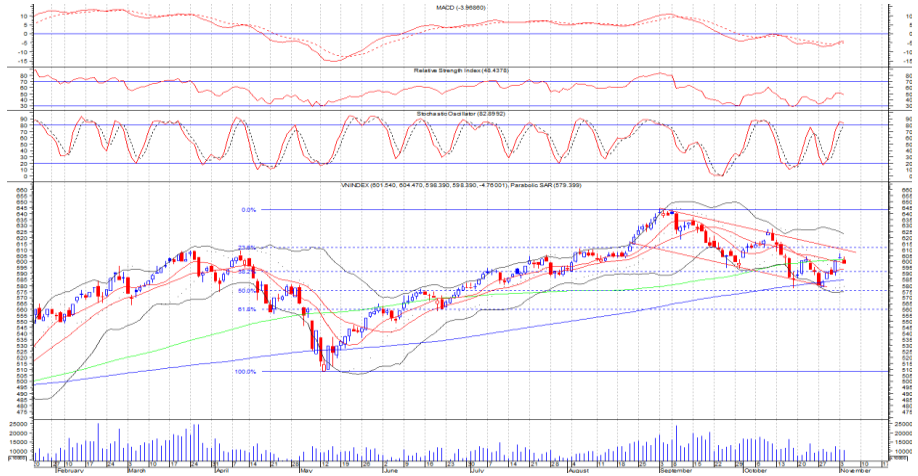
Tổng Công ty Gas Petrolimex (HOSE: Mã PGC) vừa công bố báo cáo tài chính hợp nhất quý III và 9 tháng đầu năm 2014. Tổng doanh thu quý III/2014 đạt gần 770 tỷ đồng, tăng nhẹ 3,3% so với cùng kỳ năm trước. Hệ số lợi nhuận gộp/doanh thu thuần đạt 14%. Doanh thu tài chính quý này giảm mạnh, giảm 30%, các chi phí tài chính, chi phí quản lý đều giảm, duy chỉ có chi phí bán hàng tăng 9%. Lợi nhuận sau thuế hợp nhất quý III đạt gần 19 tỷ đồng, giảm 8% so với cùng kỳ năm trước, trong đó lợi nhuận công ty mẹ đạt 18,56 tỷ đồng. EPS tương ứng đạt 369 đồng.

HOSE 04/11/2014 VNINDEX 598.39 -4.76 -0.79% 116,124,729 CP 2,219.65 bil VND

Áp lực chốt lời ngắn hạn khiến chỉ số 2 sản điều chỉnh

VN-Index giảm 4.76 điểm (-0.79%), đóng cửa tại mức 598,39 điểm. VN-Index hình thành cây nến đỏ, thân nến ngắn, VN-Index điều chỉnh và đóng cửa ở mức thấp nhất trong phiên.

- MACD tiếp tục gia tăng, điều này cho thấy đà tăng của VN-Index vẫn còn.
- Stochastic Oscillator đi xuống và sắp cho tín hiệu bán.
- RSI (14) sụt giảm xuống mức 48.
- VN-Index vẫn đang ở vùng MA100. Đây là vùng VN-Index đã hồi lại nhưng không thành công ở nhịp hồi trước.



HOSE Top 5 theo KLGD

KBC	-0.1 (-0.6%)	6,754,670
HAR	0.7 (5.8%)	5,832,500
SSI	-0.2 (-0.6%)	5,652,870
VHG	0.4 (2.6%)	5,425,510
FLC	0 (0.0%)	5,355,150

HOSE Top 5 theo % tăng

KSA	0.9 (7.0%)	3,369,740
HVX	0.4 (6.8%)	610
CDC	0.7 (6.7%)	581,770
CCI	0.9 (6.4%)	18,700
VTF	1.5 (6.4%)	3,520

HOSE Top 5 theo % giảm

BT6	-0.6 (-7.0%)	28,180
SII	-1.7 (-6.9%)	2,820
CMV	-1 (-6.7%)	20
PTC	-0.5 (-5.9%)	8,240
VLF	-0.4 (-5.7%)	1,430

HOSE Top 5 Mua ròng NDTNN

PVD	8,2 tỷ	86,330
VSH	8,1 tỷ	565,000
SSI	8,0 tỷ	258,000
MWG	7,2 tỷ	70,330
CTG	2,7 tỷ	183,070

HOSE Top 5 Bán ròng NDTNN

KBC	-25,1 tỷ	1,466,990
VCB	-16,4 tỷ	545,910
GAS	-11,3 tỷ	107,730
KDC	-5,2 tỷ	79,720
HSG	-4,9 tỷ	97,910

GD NDTNN	KL Ròng	GT Ròng (tỷ)
HOSE	-900,010	- 26.28

Nhận định / Bình luận thị trường

- ▶ Nhịp điều chỉnh xuất hiện nhiều ở phiên hôm nay, số mã giảm giá gia tăng, áp lực chốt lời xuất hiện khá mạnh. VN-Index điều chỉnh tương đối ở cuối phiên.
- ▶ KLGD vẫn chưa có sự bứt phá và đạt 106 triệu. Nhìn chung giới đầu tư vẫn đang tỏ ra khá thận trọng với nhịp hồi phục này của VN-Index.
- ▶ Khối ngoại bán ròng trở lại với giá trị 26,28 tỷ. Khối này mua mạnh PVD, PVD, VSH trong khi bán nhiều ở KBC, VCB.
- ▶ VN-Index nhiều khả năng vẫn chịu áp lực điều chỉnh tuy nhiên nhịp điều chỉnh có lẽ không quá mạnh.
- ▶ NĐT đã có lợi nhuận có thể thực hiện chốt lãi một phần, cần nhắc nhịp điều chỉnh để cơ cấu danh mục, tránh việc mua đuổi giá khi thanh khoản chưa bứt phá.

HOSE - Top 10 theo vốn hóa

Mã CK	SLCPLH (triệu)	Giá (000')	Vốn hóa (tỷ)	P/E (lần)	P/B (lần)	ROE	ROA
GAS	1,895.0	104.0	197,080.00	17.2	5.6	33.6%	23.2%
VNM	1,000.1	105.0	105,012.45	17.2	4.7	34.1%	27.1%
VCB	2,665.0	27.5	73,288.06	16.3	1.5	10.6%	1.0%
VIC	1,453.1	48.5	70,473.15	14.5	2.6	27.6%	6.2%
MSN	735.8	80.0	58,864.65	-1,475.0	4.2	-0.3%	-0.1%
CTG	3,723.4	14.6	54,361.71	9.3	1.0	10.7%	1.0%
BID	2,811.2	13.0	36,545.63	9.3	1.1	12.3%	0.7%
PVD	303.0	94.5	28,636.99	12.4	2.4	22.7%	10.7%
HPG	481.9	56.0	26,986.86	9.7	2.6	28.3%	12.8%
BVH	680.5	38.4	26,130.10	21.7	2.3	10.2%	2.1%

HOSE - Cổ phiếu khuyến nghị theo dõi / mua / bán / nắm giữ

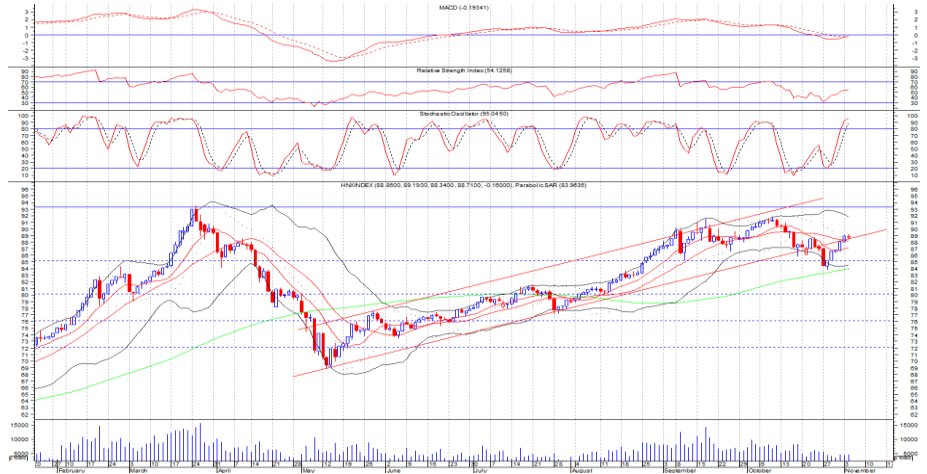
Mã CK	SLCPLH (triệu)	Giá (000')	Vốn hóa (tỷ)	P/E (lần)	P/B (lần)	Giá mục tiêu	Khuyến nghị
TTF	73.5	10.5	771.75	33.8	0.9	NA	TH.DOI
HBC	52.7	17.0	895.77	20.0	0.9	NA	TH.DOI
CII	115.5	19.6	2,264.33	7.0	1.3	NA	TH.DOI
BMP	45.5	66.0	3,001.58	8.3	1.9	NA	TH.DOI
NHS	60.8	10.8	656.10	3.9	0.7	NA	TH.DOI
FDC	27.6	21.3	588.09	1.9	0.9	NA	TH.DOI

HNX 04/11/2014 HNX-Index 88.71 -0.16 -0.18% 49,788,555 CP 768.18 bil. VND

Áp lực chốt lời ngắn hạn khiến chỉ số 2 sản điều chỉnh

Chỉ số HNX-Index giảm 0.16 điểm (-0.18%), đóng cửa tại mốc 88.71 điểm. HNX-Index tạo thành cây nến đỏ với thân nến ngắn, cây nến gần giống nến Doji thể hiện sự lưỡng lự của thị trường.

- Chỉ báo Stochastic Oscillator dừng đà tăng và sắp cho tín hiệu bán ra.
- MACD sau khi cho tín hiệu mua tiếp tục gia tăng nhẹ.
- RSI (14) sụt xuống mức 54.
- MA10 và MA20 dừng đà giảm, có dấu hiệu tăng trở lại. Đây là tín hiệu cho thấy xu hướng thị trường đang tích cực trở lại.



HNX Top 5 theo KLGĐ

Mã CK	Đổi (%)	Giá
KLF	-0.1 (-0.9%)	6,732,580
SCR	-0.3 (-3.0%)	3,096,510
PVC	0.7 (2.1%)	2,954,770
FIT	0.3 (1.2%)	2,947,510
PVX	-0.1 (-1.6%)	2,569,270

HNX Top 5 theo % tăng

Mã CK	% Tăng	Giá
BAM	3.9 (30.0%)	460,500
MCF	1.8 (9.9%)	5,100
D11	1.1 (9.8%)	1,900
GMX	1 (9.8%)	100
HVT	1.8 (9.8%)	600

HNX Top 5 theo % giảm

Mã CK	% Giảm	Giá
KTT	-0.4 (-10.0%)	100
TH1	-2.4 (-10.0%)	53,700
THS	-0.7 (-10.0%)	1,000
CJC	-2.5 (-9.7%)	900
LM7	-0.4 (-9.5%)	1,200

HNX Top 5 Mua ròng NDTNN

Mã CK	Mua ròng (tỷ)	Giá
PVS	0,6	14,800
LAS	0,4	13,500
ASA	0,3	30,000
MAS	0,3	3,000
ARM	0,1	6,500

HNX Top 5 Bán ròng NDTNN

Mã CK	Bán ròng (tỷ)	Giá
PVC	-20,5	602,400
VND	-16,4	1,022,700
KLS	-3,7	318,800
PVE	-2,1	135,500
VCG	-0,4	30,000

GD NDTNN	KL Ròng	GT Ròng (tỷ)
HNX	-2,074,710	- 41.76

Nhận định / Bình luận thị trường

- ▶ Nhịp điều chỉnh xuất hiện nhiều ở phiên hôm nay, số mã giảm giá gia tăng, áp lực chốt lời xuất hiện khá mạnh. HNX-Index điều chỉnh tương đối ở cuối phiên.
- ▶ KLGĐ vẫn chưa có sự bứt phá và đạt 47 triệu. Nhìn chung giới đầu tư vẫn đang tỏ ra khá thận trọng với nhịp hồi phục này của HNX-Index.
- ▶ Khối ngoại bán ròng trở lại với giá trị 41,76 tỷ. Khối này mua mạnh PVD, PVS trong khi bán nhiều ở PVC, VND.
- ▶ HNX-Index đã phá vỡ kênh tăng giá trung hạn, dù chỉ số này hồi phục trở lại nhưng chúng tôi đánh giá không cao về nhịp hồi phục lần này.
- ▶ NĐT đã có lợi nhuận có thể thực hiện chốt lãi một phần, cần nhắc nhịp điều chỉnh để cơ cấu danh mục, tránh việc mua đuổi giá khi thanh khoản chưa bứt phá.

HNX - Top 10 theo vốn hóa

Mã CK	SLCPLH (triệu)	Giá (000')	Vốn hóa (tỷ)	P/E (lần)	P/B (lần)	ROE (%)	ROA (%)
PVS	446.7	41.2	18,404.06	10.3	2.2	21.7%	7.1%
ACB	909.8	15.3	13,919.64	20.7	1.2	5.4%	0.4%
SQC	107.3	80.0	8,583.92	69.5	8.5	-10.4%	-8.0%
SHB	886.1	8.7	7,708.93	9.0	0.7	8.2%	0.7%
VCG	441.7	13.0	5,742.24	10.1	1.0	10.4%	2.4%
OCH	200.0	24.8	4,960.00	82.3	2.5	2.8%	1.5%
PVI	225.2	18.0	4,052.85	14.1	0.7	4.7%	1.9%
NTP	56.3	49.0	2,760.63	7.4	2.1	22.9%	15.2%
VNR	131.1	21.0	2,752.59	8.8	0.8	12.7%	5.7%
LAS	77.8	31.9	2,482.84	6.9	1.9	25.6%	14.6%

HNX - Cổ phiếu khuyến nghị theo dõi / mua / bán / nắm giữ

Mã CK	SLCPLH (triệu)	Giá (000')	Vốn hóa (tỷ)	P/E (lần)	P/B (lần)	Giá mục tiêu	Khuyến nghị
PGS	38.0	35.9	1,364.20	8.5	1.4	NA	TH.DOI
AAA	39.6	15.6	617.76	6.8	0.6	NA	TH.DOI
VND	100.0	15.8	1,579.98	12.5	1.3	NA	TH.DOI
NTP	56.3	49.0	2,760.63	7.4	2.1	NA	TH.DOI
PVC	50.0	33.8	1,690.00	10.0	1.9	NA	TH.DOI
DXP	7.9	43.0	338.62	8.0	1.5	NA	TH.DOI

FTSE Vietnam (UCITS ETF)

Ma CK	SGD	SLCPLH (triệu)	Vốn hóa (tỷ)	Tỷ trọng	Giá (000')	PE (lần)	PB (lần)	KLGDQB (10 ngày)	KLGDQB (1 tháng)	KLGDQB (3 tháng)
VIC	HOSE	1,453.1	70,473.15	15.75%	48.5	14.53	2.61	1,491,767	1,777,061	2,089,825
HPG	HOSE	481.9	26,986.86	13.53%	56.0	9.73	2.56	492,178	701,733	819,716
PVD	HOSE	303.0	28,636.99	11.69%	94.5	12.40	2.38	470,422	597,230	559,721
MSN	HOSE	735.8	58,864.65	11.42%	80.0	#####	4.20	224,965	209,720	246,729
HAG	HOSE	789.9	19,668.49	8.11%	24.9	10.50	1.36	3,113,007	3,564,474	3,827,713
STB	HOSE	1,142.5	21,593.47	6.47%	18.9	8.91	1.23	385,329	358,022	420,616
VCB	HOSE	2,665.0	73,288.06	5.75%	27.5	16.34	1.47	282,353	267,191	494,063
DPM	HOSE	379.9	11,512.01	4.79%	30.3	9.09	1.29	485,257	522,825	1,100,477
ITA	HOSE	718.9	6,182.59	2.96%	8.6	67.42	0.80	4,463,851	5,734,576	7,727,447
KBC	HOSE	389.8	6,547.97	2.57%	16.8	28.84	1.31	4,808,536	5,188,930	4,213,708
BVH	HOSE	680.5	26,130.10	2.30%	38.4	21.66	2.27	216,762	226,747	238,894
HSG	HOSE	96.3	4,815.65	2.06%	50.0	15.50	2.23	273,961	502,481	337,045
GMD	HOSE	116.1	3,983.53	1.83%	34.3	7.89	0.83	375,218	579,118	760,918
PPC	HOSE	318.2	8,017.50	1.68%	25.2	11.01	1.49	323,123	328,261	665,490
HVG	HOSE	132.0	4,355.99	1.56%	33.0	15.03	1.82	1,500,126	1,974,848	1,762,738
CSM	HOSE	67.3	3,081.97	1.50%	45.8	8.93	2.45	146,669	174,865	259,598
PVT	HOSE	255.9	4,375.16	1.48%	17.1	18.24	1.37	1,437,588	1,953,140	2,280,147
DRC	HOSE	83.1	5,150.58	1.48%	62.0	15.14	3.65	69,863	117,503	191,304
VSH	HOSE	206.2	2,949.25	1.31%	14.3	14.16	1.11	488,775	463,344	691,668
DIG	HOSE	178.7	2,520.29	1.01%	14.1	69.58	0.86	766,997	1,170,937	921,077
OGC	HOSE	300.0	2,850.00	0.76%	9.5	35.81	0.92	8,276,650	6,166,015	4,665,783

Công ty quản lý
Chỉ số tham chiếu

DB Platinum Advisors
FTST Vietnam Index

Ngày lập quỹ **15/01/2008**
Ngày lập chỉ số **14/05/2007**

SLCKVN **22/22**
TGTTSQL **361 mil.**

Market Vectors Vietnam ETF

Ma CK	SGD	SLCPLH (triệu)	Vốn hóa (tỷ)	Tỷ trọng	Giá (000')	PE (lần)	PB (lần)	KLGDQB (10 ngày)	KLGDQB (1 tháng)	KLGDQB (3 tháng)
VIC	HOSE	1,453.1	70,473.15	8.28%	48.5	14.53	2.61	1,491,767	1,777,061	2,089,825
MSN	HOSE	735.8	58,864.65	8.09%	80.0	#####	4.20	224,965	209,720	246,729
VCB	HOSE	2,665.0	73,288.06	6.66%	27.5	16.34	1.47	282,353	267,191	494,063
STB	HOSE	1,142.5	21,593.47	6.34%	18.9	8.91	1.23	385,329	358,022	420,616
PVS	HNX	446.7	18,404.06	5.45%	41.2	10.30	2.19	2,280,803	2,876,913	3,894,168
BVH	HOSE	680.5	26,130.10	4.54%	38.4	21.66	2.27	216,762	226,747	238,894
DPM	HOSE	379.9	11,512.01	4.18%	30.3	9.09	1.29	485,257	522,825	1,100,477
PVD	HOSE	303.0	28,636.99	4.04%	94.5	12.40	2.38	470,422	597,230	559,721
HAG	HOSE	789.9	19,668.49	3.68%	24.9	10.50	1.36	3,113,007	3,564,474	3,827,713
ITA	HOSE	718.9	6,182.59	2.96%	8.6	67.42	0.80	4,463,851	5,734,576	7,727,447
PPC	HOSE	318.2	8,017.50	2.75%	25.2	11.01	1.49	323,123	328,261	665,490
FLC	HOSE	314.9	3,526.81	2.56%	11.2	8.47	0.80	9,128,197	10,017,428	15,327,194
SHB	HNX	886.1	7,708.93	2.53%	8.7	9.02	0.72	3,266,091	4,845,614	5,009,305
VCG	HNX	441.7	5,742.24	2.03%	13.0	10.11	1.04	1,198,945	1,367,718	1,408,811
OGC	HOSE	300.0	2,850.00	1.69%	9.5	35.81	0.92	8,276,650	6,166,015	4,665,783
PVT	HOSE	255.9	4,375.16	1.61%	17.1	18.24	1.37	1,437,588	1,953,140	2,280,147
DRC	HOSE	83.1	5,150.58	0.95%	62.0	15.14	3.65	69,863	117,503	191,304
IJC	HOSE	274.2	3,729.05	0.62%	13.6	23.21	1.33	765,787	721,886	1,686,822
PVX	HNX	400.0	2,400.00	0.00%	6.0	- 1.97	3.29	5,407,570	7,132,496	9,633,468

Công ty quản lý
Chỉ số tham chiếu

Van Eck Global
Market Vector Vietnam Index

Ngày lập quỹ **08/11/2009**
Ngày lập chỉ số **24/11/2008**

SLCKVN **17/27**
TGTTSQL **439.5 mil.**

MSCI Frontier Market Index ETF

Ma CK	SGD	SLCPLH (triệu)	Vốn hóa (tỷ)	Tỷ trọng	Giá (000')	PE (lần)	PB (lần)	KLGDQB (10 ngày)	KLGDQB (1 tháng)	KLGDQB (3 tháng)
VIC	HOSE	1,453.1	70,473.15	0.00%	48.5	14.53	2.61	1,491,767	1,777,061	2,089,825
MSN	HOSE	735.8	58,864.65	0.00%	80.0	#####	4.20	224,965	209,720	246,729
DPM	HOSE	379.9	11,512.01	0.00%	30.3	9.09	1.29	485,257	522,825	1,100,477
HAG	HOSE	789.9	19,668.49	0.00%	24.9	10.50	1.36	3,113,007	3,564,474	3,827,713
VCB	HOSE	2,665.0	73,288.06	0.00%	27.5	16.34	1.47	282,353	267,191	494,063
STB	HOSE	1,142.5	21,593.47	0.00%	18.9	8.91	1.23	385,329	358,022	420,616
BVH	HOSE	680.5	26,130.10	0.00%	38.4	21.66	2.27	216,762	226,747	238,894
CTG	HOSE	3,723.4	54,361.71	0.00%	14.6	9.32	1.02	446,903	362,718	390,330
GAS	HOSE	1,895.0	197,080.00	0.00%	104.0	17.20	5.63	329,039	471,296	407,353

Công ty quản lý: **Royal Bank of Scotland** Ngày lập quỹ: **19/09/2011** SLCKVN: **9/142**
 Chỉ số tham chiếu: **MSCI Frontier Markets Index** Ngày lập chỉ số: **30/11/2007** TGTTSQL: **22.25 mil.**

iShares MSCI Frontier 100 Index Fund

Ma CK	SGD	SLCPLH (triệu)	Vốn hóa (tỷ)	Tỷ trọng	Giá (000')	PE (lần)	PB (lần)	KLGDQB (10 ngày)	KLGDQB (1 tháng)	KLGDQB (3 tháng)
MSN	HOSE	735.8	58,864.65	0.88%	80.0	#####	4.20	224,965	209,720	246,729
VIC	HOSE	1,453.1	70,473.15	0.56%	48.5	14.53	2.61	1,491,767	1,777,061	2,089,825
STB	HOSE	1,142.5	21,593.47	0.31%	18.9	8.91	1.23	385,329	358,022	420,616
VCB	HOSE	2,665.0	73,288.06	0.24%	27.5	16.34	1.47	282,353	267,191	494,063
DPM	HOSE	379.9	11,512.01	0.15%	30.3	9.09	1.29	485,257	522,825	1,100,477
BVH	HOSE	680.5	26,130.10	0.08%	38.4	21.66	2.27	216,762	226,747	238,894

Công ty quản lý: **iShares** Ngày lập quỹ: **12/09/2012** SLCKVN: **6/102**
 Chỉ số tham chiếu: **MSCI Frontier 100 Index** Ngày lập chỉ số: **30/11/2007** TGTTSQL: **519.45 mil.**

iShares MSCI Vietnam Investable Market Index Fund ETF

Ma CK	SGD	SLCPLH (triệu)	Vốn hóa (tỷ)	Tỷ trọng	Giá (000')	PE (lần)	PB (lần)	KLGDQB (10 ngày)	KLGDQB (1 tháng)	KLGDQB (3 tháng)
-------	-----	-------------------	-----------------	----------	---------------	-------------	-------------	---------------------	---------------------	---------------------

Công ty quản lý: **iShares** Ngày lập quỹ: SLCKVN
 Chỉ số tham chiếu: **MSCI VN Investable Market Indx** Ngày lập chỉ số: **01/12/2010** TGTTSQL: **4,752.96 mil.**

Chỉ số bình quân ngành	Vốn hóa (tỷ)	P/E	P/B	ROE	ROA
Hóa chất & Tài nguyên cơ bản					
Hóa Chất					
Nhựa, cao su & sợi	7,316	6.8	0.9	13.3%	8.8%
Sản phẩm hóa dầu, Nông dược & Hóa chất khác	20,324	9.3	1.5	16.2%	10.9%
Lâm nghiệp và giấy					
Lâm sản và Chế biến gỗ	2,872	27.7	0.9	3.4%	1.6%
Sản xuất giấy	889	6.5	1.0	13.8%	7.3%
Kim loại					
Thép và sản phẩm thép	38,970	16.4	2.2	20.7%	9.4%
Khai khoáng					
Khai thác than	1,950	3.6	1.0	22.0%	5.2%
Khai khoáng	12,299	91.4	6.3	-4.2%	-3.5%
Xây dựng và vật liệu					
Xây dựng và vật liệu					
Vật liệu xây dựng & Nội thất	25,548	14.6	1.5	13.4%	7.5%
Xây dựng	32,640	63.7	1.3	-2.2%	1.9%
Hàng và dịch vụ công nghiệp					
Hàng công nghiệp					
Containers & Đóng gói	2,259	9.6	1.2	15.8%	7.9%
Công nghiệp phức hợp	1,205	7.9	1.3	16.6%	12.4%
Điện tử và thiết bị điện					
Hàng điện & điện tử	1,498	7.0	1.0	13.3%	6.7%
Thiết bị điện	2,122	38.6	1.1	2.6%	0.4%
Công nghiệp nặng					
Xe tải & Đóng tàu	47	15.4	0.6	4.1%	2.9%
Máy công nghiệp	8,794	9.0	1.3	15.2%	10.4%
Vận tải					
Vận tải thủy	9,662	3.3	1.1	4.0%	1.2%
Kho bãi, hậu cần và bảo dưỡng	11,198	8.9	1.5	18.4%	13.4%
Dịch vụ vận tải	6,484	8.2	1.7	19.4%	12.0%
Tư vấn & hỗ trợ kinh doanh					
Tư vấn & Hỗ trợ KD	4,749	11.5	1.5	16.6%	8.0%
Đào tạo & Việc làm	261	10.4	0.8	8.6%	3.1%
Nhà cung cấp thiết bị	202	9.2	0.9	12.1%	5.0%
Chất thải & Môi trường	186	2.8	0.9	34.4%	16.2%
Ô tô và Phụ tùng					
Ô tô và Phụ tùng					
Sản xuất ô tô	2,200	13.4	1.3	14.6%	7.2%
Lốp xe	9,056	11.6	3.1	25.5%	11.0%
Thực phẩm và đồ uống					
Bia và đồ uống					
Sản xuất bia	1,530	6.9	1.2	17.3%	9.4%
Vang & Rượu mạnh	330	14.3	2.2	16.7%	10.4%
Đồ uống & giải khát	232	6.5	1.2	14.6%	9.7%
Sản phẩm thực phẩm					
Nuôi trồng nông & hải sản	21,486	11.1	1.9	18.7%	6.5%
Thực phẩm	196,177	23.9	4.2	20.4%	16.0%
Hàng cá nhân và gia dụng					
Hàng gia dụng					
Đồ gia dụng lâu bền	73	20.6	0.9	4.4%	3.2%
Thiết bị gia dụng	2,698	9.2	1.5	14.9%	7.3%
Hàng hóa giải trí					
Điện tử tiêu dùng	541	34.2	1.4	4.6%	3.2%
Hàng cá nhân					
Hàng may mặc	3,538	8.6	1.7	19.7%	7.7%
Giày dép	10	1.4	0.6	-33.3%	-19.0%
Hàng cá nhân	5,985	11.2	2.0	17.9%	9.1%
Thuốc lá					
Thuốc lá	697	8.0	1.1	1.6%	4.2%

04 November 2014

Chỉ số bình quân ngành	Vốn hóa (tỷ)	P/E	P/B	ROE	ROA
Y tế					
Thiết bị và dịch vụ y tế					
Thiết bị y tế	1,935	17.6	1.0	6.4%	3.7%
Dụng cụ y tế	166	3.4	1.8	36.6%	16.5%
Dược phẩm					
Công nghệ sinh học	199	8.8	1.2	13.8%	10.1%
Dược phẩm	15,610	11.2	2.9	22.6%	14.9%
Bán lẻ					
Phân phối thực phẩm và dược					
Phân phối thực phẩm	302	48.0	1.0	-2.0%	-0.6%
Bán lẻ					
Bán lẻ phức hợp	735	11.2	1.2	13.3%	8.0%
Phân phối hàng chuyên dụng	3,020	10.5	1.8	18.5%	3.6%
Truyền thông, Du lịch và Giải trí					
Truyền thông					
Dịch vụ truyền thông	10	2.7	0.5	18.3%	11.3%
Sách, ấn bản & sản phẩm văn hóa	1,127	10.4	1.0	9.4%	6.8%
Du lịch và giải trí					
Hàng không	-	#DIV/0!	#DIV/0!	#DIV/0!	#DIV/0!
Khách sạn	5,592	71.9	2.5	2.9%	1.7%
Dịch vụ giải trí	3,521	20.7	1.3	11.3%	9.6%
Vận tải hành khách & Du lịch	2,734	18.5	3.5	23.5%	20.3%
Viễn Thông & Công nghệ thông tin					
Viễn thông cố định					
Viễn thông cố định	68	15.9	0.5	3.1%	1.6%
Phần mềm và dịch vụ máy tính					
Dịch vụ máy tính	765	18.3	1.0	5.6%	2.0%
Internet	333	70.2	0.8	1.1%	0.2%
Phần mềm	18,000	10.8	2.3	21.7%	9.0%
Thiết bị và phần cứng					
Phần cứng	488	15.5	0.8	4.7%	1.8%
Thiết bị văn phòng	302	5.1	1.0	22.4%	17.1%
Thiết bị viễn thông	13,408	34.7	4.9	34.1%	11.5%
Điện nước, xăng dầu và khí đốt					
Sản xuất & phân phối điện					
Sản xuất & phân phối điện	28,281	9.5	1.4	15.8%	7.6%
Nước & khí đốt					
Phân phối xăng dầu & khí đốt	205,759	16.8	5.5	33.0%	22.6%
Nước	1,210	6.5	1.1	16.9%	11.6%
Bảo hiểm, Dịch vụ tài chính, Ngân hàng, Bất động sản					
Bảo hiểm phi nhân thọ					
Bảo hiểm phức hợp	1,369	7.9	1.0	11.6%	3.6%
Bảo hiểm phi nhân thọ	7,010	12.6	0.8	6.4%	2.6%
Tái bảo hiểm	2,753	8.8	0.8	12.7%	5.7%
Bảo hiểm nhân thọ					
Bảo hiểm nhân thọ	26,470	21.7	2.3	10.2%	2.1%
Dịch vụ tài chính					
Tài chính đặc biệt	3,143	37.9	1.1	2.7%	0.9%
Môi giới chứng khoán	29,138	13.3	1.8	10.7%	7.7%
Ngân hàng					
Ngân hàng	242,309	11.4	1.2	10.6%	0.9%
Bất động sản					
Bất động sản	197,525	18.0	4.6	24.2%	5.8%
Tư Vấn, Định giá, Môi giới Bất động sản	9	2.3	0.7	32.7%	12.3%
Dầu khí					
Thiết bị, dịch vụ và phân phối					
Thiết bị và Dịch vụ Dầu khí	50,538	11.4	2.3	22.5%	9.4%

- ▶ **Nguyễn Hữu Quang** **Giám đốc Nghiên cứu & Tư vấn Đầu tư**
quangnh@vietinbanksc.com.vn
- ▶ **Trịnh Thị Thu Phương** thuphuong@vietinbanksc.com.vn
- Tổng hợp thông tin vĩ mô
- ▶ **Nguyễn Thu Hằng** hangnnt@vietinbanksc.com.vn
- Ngân hàng
- Dược phẩm
- Phân bón
- Nước giải khát
- ▶ **Nguyễn Quang Sắc** sacnq@vietinbanksc.com.vn
- Phân tích kỹ thuật
- Nhận định, bình luận thị trường
- ▶ **Vũ Ánh Nguyệt** nguyetva@vietinbanksc.com.vn
- Cao su
- Thủy sản
- Dệt may
- Mía đường

Bản báo cáo này được chuẩn bị cho mục đích duy nhất là cung cấp thông tin và không nhằm đưa ra bất kỳ đề nghị hay hướng dẫn mua bán chứng khoán cụ thể nào. Các quan điểm và khuyến cáo được trình bày trong bản báo cáo này không tính đến sự khác biệt về mục tiêu, nhu cầu, chiến lược và hoàn cảnh cụ thể của từng nhà đầu tư. Ngoài ra, nhà đầu tư cũng ý thức có thể có các xung đột lợi ích ảnh hưởng đến tính khách quan của bản báo cáo này. Nhà đầu tư nên xem báo cáo này như một nguồn tham khảo khi đưa ra quyết định đầu tư và phải chịu toàn bộ trách nhiệm đối với quyết định đầu tư của chính mình. VietinBankSc tuyệt đối không chịu trách nhiệm đối với toàn bộ hay bất kỳ thiệt hại nào, hay sự kiện bị coi là thiệt hại, đối với việc sử dụng toàn bộ hoặc từng phần thông tin hay ý kiến nào của bản báo cáo này.

Toàn bộ các quan điểm thể hiện trong báo cáo này đều là quan điểm cá nhân của người phân tích. Không có bất kỳ một phần thu nhập nào của người phân tích liên quan trực tiếp hoặc gián tiếp đến các khuyến cáo hay quan điểm cụ thể trong bản báo cáo này.

Thông tin sử dụng trong báo cáo này được VietinBankSc thu thập từ những nguồn mà chúng tôi cho là đáng tin cậy. Tuy nhiên, chúng tôi không đảm bảo rằng những thông tin này là hoàn chỉnh hoặc chính xác. Các quan điểm và ước tính trong đánh giá của chúng tôi có giá trị đến ngày ra báo cáo và có thể thay đổi mà không cần báo cáo trước.

Bản báo cáo này được giữ bản quyền và là tài sản của VietinBankSc. Mọi sự sao chép, chuyển giao hoặc sửa đổi trong bất kỳ trường hợp nào mà không có sự đồng ý của VietinBankSc đều trái luật.

Bản quyền thuộc VietinBankSc, 2013. Vui lòng trích nguồn khi sử dụng các thông tin trong bản báo cáo này.